

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 1 tháng 7 năm 2025
ĐIỀU LỆ

CÔNG TY TNHH HONG TAO

Họ tên: **NGUYỄN NGỌC THỦY** Giới tính: Nữ
Ngày sinh: 25/05/2006 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam
CCCD số: 091306015036,, Ngày cấp: 08/07/2024 , Nơi cấp: Bộ Công An
Địa chỉ thường trú: Tổ 7, Ấp Hòa Sơn, Xã Hòa Thuận, Tỉnh An Giang
Chỗ ở hiện tại: Tổ 7, Ấp Hòa Sơn, Xã Hòa Thuận, Tỉnh An Giang

Nay quyết định thành lập CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN (dưới đây gọi tắt là Công ty) hoạt động tuân theo Luật Doanh nghiệp hiện hành và các điều khoản sau đây của Bản điều lệ này.

CHƯƠNG I
ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Phạm vi trách nhiệm

Chủ sở hữu chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn điều lệ của doanh nghiệp.

Điều 2. Tên Doanh nghiệp

Tên Doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH HONG TAO

Tên Doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên Doanh nghiệp viết tắt:

Điều 3. Địa chỉ trụ sở chính và địa chỉ chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh

Địa chỉ trụ sở chính: Ô 55, DC 42 Đường D25, Khu Dân Cư Việt Sing, Khu Phố 4, Phường An Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điều 4. Ngành, nghề kinh doanh

STT	Tên ngành (bao gồm chi tiết)	Mã ngành
1	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
2	Sản xuất giày dép (Không sản xuất, gia công tại trụ sở chính)	1520
3	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vải, cặp, túi xách, ví, hàng da và giả da khác	4649
4	Dịch vụ liên quan đến in	1812
5	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Thiết kế thời trang	7410
6	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc (Không sản xuất, gia công tại trụ sở chính)	1430
7	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)	4659
8	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
9	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663

	Chi tiết: Bán buôn xi măng, gạch, cát, đá, sỏi (không hoạt động bên thủy nội địa)	
10	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn các thiết bị điện nước	4669
11	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: Thi công lắp đặt hệ thống cơ-điện lạnh, hệ thống điện công trình dân dụng, công nghiệp, trạm biến áp-Thi công lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống chống trộm, camera quan sát	4321
12	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
13	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại Chi tiết: Gia công khuôn mẫu các loại (Không sản xuất, gia công; Trừ xử lý và tráng phủ xi mạ kim loại). Gia công bản in bằng chuyển ,băng tải bôn sáy. - Tiện, phay, bào, hàn, cắt, mài, đục. - Gia công và lắp đặt ngôi thép màu	2592
14	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên	7110

	<p>quan</p> <p>Chi tiết :</p> <p>-Tur vấn đầu thầu,lập dự án đầu tư,lập dự toán công trình,quản lý công trình xây dựng,kiểm định chất lượng công trình xây dựng.</p> <p>- Tur vấn, thiết kế, khảo sát công trình dân dụng và công nghiệp, công trình phòng cháy chữa cháy-Tur vấn, giám sát công trình dân dụng và công nghiệp-Thăm tra hồ sơ thiết kế-Thiết kế nội ngoại thất công trình dân dụng và công nghiệp.</p>	
15	Xây dựng nhà để ở	4101
16	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
17	Xây dựng công trình điện	4221
18	Chuẩn bị mặt bằng	4312
19	<p>Sản xuất các cấu kiện kim loại</p> <p>Chi tiết: Sản xuất cửa nhôm, cửa sắt, kèo thép, nhà tiền chế</p>	2511
20	<p>Lắp đặt hệ thống xây dựng khác</p> <p>Chi tiết:</p> <p>- Lắp đặt thi công hệ thống xử lý nước thải.</p> <p>- Xây dựng công trình,</p>	4329

	xây dựng và lắp đặt kết cấu thép, lắp đặt kỹ thuật cơ điện, kỹ thuật lắp đặt điện nước ,lắp đặt kỹ thuật xây dựng tường rèm.	
21	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất Nhập Khẩu các mặt hàng mà công ty kinh doanh.	8299
22	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng, lắp đặt hệ thống nhôm, kính, inox công trình dân dụng và công nghiệp	4299(Chính)

Điều 5. Thời hạn hoạt động

1. Thời hạn hoạt động của công ty là: 30 (Ba mươi) năm kể từ ngày thành lập và được phép hoạt động theo quy định của pháp luật.
2. Công ty có thể chấm dứt hoạt động trước thời hạn hoặc gia hạn thêm thời gian hoạt động theo quyết định của Chủ sở hữu hoặc theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Người đại diện theo pháp luật

1. Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật:

Bà : NGUYỄN NGỌC THÚY Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 25/05/2006 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Số chứng thực cá nhân: 091306015036 Cấp ngày: 08/07/2024

Nơi cấp: Bộ Công An

Hộ khẩu thường trú: Tổ 7, Ấp Hòa Sơn, Xã Hòa Thuận, Tỉnh An Giang

Chỗ ở hiện tại: Tổ 7, Ấp Hòa Sơn, Xã Hòa Thuận, Tỉnh An Giang

Chức vụ: Giám Đốc

Quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật:

- a) Đại diện cho công ty các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của công ty;
- b) Đại diện cho công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật;
- c) Tham gia quản lý và điều hành các hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty;
- d) Được hưởng lương và các quyền khác theo vị trí chức danh quản lý, nếu là người nước ngoài thì được cấp giấy phép lao động và được coi là có kinh nghiệm quản lý.
- e) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của công ty;
- f) Trung thành với lợi ích của công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- g) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về công ty mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định.

2. Người đại diện theo pháp luật của công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho công ty do vi phạm trách nhiệm theo quy định.

3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú tại Việt Nam. Trường hợp người đại diện theo pháp luật khi xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

4. Trường hợp người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì chủ sở hữu công ty cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của công ty.

Điều 7. Con dấu

1. Chủ sở hữu công ty quyết định hình thức, số lượng và nội dung con dấu. Cụ thể:

- a) Hình thức: Dấu tròn;

b) Số lượng: 01 (một) con dấu;

c) Nội dung con dấu thể hiện những thông tin sau đây:

+ Tên doanh nghiệp;

+ Mã số doanh nghiệp.

2. Thời điểm hiệu lực của con dấu: Kể từ ngày Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

3. Quy chế quản lý, sử dụng, lưu giữ con dấu của công ty:

Việc quản lý và sử dụng con dấu trong công tác văn thư được thực hiện theo quy định của Pháp luật về quản lý, sử dụng con dấu và điều lệ công ty quy định. Văn thư công ty có trách nhiệm:

- a) Không giao con dấu cho người khác khi chưa được phép bằng văn bản của người có thẩm quyền;
- b) Phải tự tay đóng dấu vào các văn bản, giấy tờ của cơ quan, tổ chức;
- c) Chỉ được đóng dấu vào những văn bản, giấy tờ sau khi đã có chữ ký của người có thẩm quyền;
- d) Không được đóng dấu không chỉ.

CHƯƠNG II

VỐN VÀ CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY

Điều 8. Vốn điều lệ

1. Toàn bộ vốn điều lệ của công ty là do chủ sở hữu công ty đóng góp.

2. Vốn điều lệ của công ty là: 9.000.000.000 VNĐ, bao gồm:

- Việt Nam đồng: 9.000.000.000 VNĐ (*Chín tỷ đồng chẵn*).

Điều 9. Thực hiện góp vốn thành lập công ty

1. Vốn điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp là tổng giá trị tài sản do chủ sở hữu cam kết góp và ghi trong Điều lệ công ty.

2. Chủ sở hữu phải góp đủ và đúng loại tài sản như đã cam kết khi đăng ký thành lập doanh nghiệp trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

3. Trường hợp không góp đủ vốn điều lệ trong thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này, chủ sở hữu công ty phải đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ bằng giá trị số vốn thực góp trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cuối cùng phải góp đủ vốn điều lệ. Trường hợp này, chủ sở hữu phải chịu trách nhiệm tương ứng với phần vốn góp đã cam kết đối với

các nghĩa vụ tài chính của công ty phát sinh trong thời gian trước khi công ty đăng ký thay đổi vốn điều lệ.

4. Chủ sở hữu chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với các nghĩa vụ tài chính của công ty, thiệt hại xảy ra do không góp, không góp đủ, không góp đúng hạn vốn điều lệ.

Điều 10. Tăng, giảm vốn điều lệ

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tăng vốn điều lệ thông qua việc chủ sở hữu công ty góp thêm vốn hoặc huy động thêm vốn góp của người khác. Chủ sở hữu công ty quyết định hình thức tăng và mức tăng vốn điều lệ.

2. Trường hợp tăng vốn điều lệ bằng việc huy động thêm phần vốn góp của người khác, công ty phải tổ chức quản lý theo loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc công ty cổ phần. Việc tổ chức quản lý công ty được thực hiện như sau:

a) Trường hợp tổ chức quản lý theo loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thì công ty phải thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thay đổi vốn điều lệ;

b) Trường hợp chuyển đổi thành công ty cổ phần thì công ty thực hiện theo quy định tại Điều 202 của Luật Doanh nghiệp.

3. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên giảm vốn điều lệ trong trường hợp sau đây:

a) Hoàn trả một phần vốn góp cho chủ sở hữu công ty nếu công ty đã hoạt động kinh doanh liên tục từ 02 năm trở lên kể từ ngày đăng ký thành lập doanh nghiệp và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả phần vốn góp cho chủ sở hữu công ty;

b) Vốn điều lệ không được chủ sở hữu công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại Điều 9 của Điều lệ này.

Điều 11. Quyền của chủ sở hữu công ty

1. Quyết định nội dung Điều lệ công ty, sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty.

2. Quyết định đầu tư, kinh doanh và quản trị nội bộ công ty.

3. Quyết định tăng vốn điều lệ của công ty; chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty cho tổ chức, cá nhân khác; quyết định phát hành trái phiếu.

4. Quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của công ty.

5. Quyết định tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản công ty.

6. Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của công ty sau khi công ty hoàn thành giải thể hoặc phá sản.

7. Quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 12. Nghĩa vụ của chủ sở hữu Công ty

1. Góp đủ và đúng hạn vốn điều lệ công ty.

2. Tuân thủ Điều lệ công ty, quy định Luật Doanh nghiệp và pháp luật khác có liên quan.

3. Phải xác định và tách biệt tài sản của chủ sở hữu công ty với tài sản của công ty. Phải tách biệt chi tiêu của cá nhân và gia đình mình với chi tiêu của Chủ tịch công ty, Giám đốc.

4. Tuân thủ quy định của pháp luật về hợp đồng và quy định khác của pháp luật có liên quan trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê, hợp đồng, giao dịch khác giữa công ty và chủ sở hữu công ty.

5. Chủ sở hữu công ty chỉ được quyền rút vốn bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác; trường hợp rút một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ đã góp ra khỏi công ty dưới hình thức khác thì chủ sở hữu công ty và cá nhân, tổ chức có liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty.

6. Chủ sở hữu công ty không được rút lợi nhuận khi công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

7. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG III

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 13. Cơ cấu tổ chức quản lý

Chủ tịch công ty: Bà **NGUYỄN NGỌC THỦY**; Sinh ngày: 25/05/2006 CCCD số: 091306015036 Ngày cấp: 08/07/2024 , Nơi cấp: Bộ Công An.

Giám đốc: Bà **NGUYỄN NGỌC THỦY** Sinh ngày: 25/05/2006 CCCD số: 091306015036 Ngày cấp: 08/07/2024, Nơi cấp: Bộ Công An.

Chủ Sở Hữu Công Ty : Ông **NGUYỄN NGỌC THỦY**; Sinh ngày: 25/05/2006 CCCD số: 091306015036 Ngày cấp: 08/07/2024 , Nơi cấp: Bộ Công An.

Điều 14. Chủ tịch công ty

1. Chủ sở hữu công ty là Chủ tịch công ty và có thể kiêm làm Giám đốc, Tổng giám đốc.

2. Chủ tịch công ty nhân danh công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ quyền và nghĩa vụ của Giám đốc, Tổng giám đốc; chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

Điều 15. Giám đốc, Tổng giám đốc

1. Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty bổ nhiệm hoặc thuê Giám đốc hoặc Tổng giám đốc với nhiệm kỳ không quá 05 năm để điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước pháp luật và Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên khác của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty có thể kiêm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, trừ trường hợp pháp luật, Điều lệ công ty có quy định khác.

2. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty;
- b) Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;
- d) Ban hành quy chế quản lý nội bộ của công ty;
- đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người quản lý công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty;
- e) Ký hợp đồng nhân danh công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty;
- g) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức công ty;
- h) Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty;
- i) Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- k) Tuyển dụng lao động;
- l) Quyền và nghĩa vụ khác được quy định tại Điều lệ công ty và hợp đồng lao động.

3. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp hiện hành;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty và điều kiện khác do Điều lệ công ty quy định.

Điều 16. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của người quản lý công ty

1. Người quản lý công ty được hưởng tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh của công ty.
2. Chủ sở hữu công ty quyết định mức tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của người quản lý công ty được tính vào chi phí kinh doanh theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

Điều 17. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Các tranh chấp nội bộ giữa công ty liên quan đến thành lập, hoạt động, giải thể Công ty trước hết phải được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải.
2. Trường hợp giải quyết tranh chấp nội bộ theo phương thức thương lượng, hòa giải không đạt được kết quả thì bất kỳ bên nào cũng có quyền tranh chấp ra Tòa án có thẩm quyền để giải quyết.

CHƯƠNG IV

KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Điều 18. Năm tài chính

1. Năm tài chính của công ty bắt đầu từ ngày 01/01 dương lịch và kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch hàng năm.
2. Năm tài chính đầu tiên của công ty sẽ bắt đầu từ ngày được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đến hết ngày 31/12 dương lịch của năm đó.

Điều 19. Sổ sách kế toán – Báo cáo tài chính

1. Sổ sách kế toán của công ty đều mở đầy đủ và giữ đúng các quy định pháp luật hiện hành.
2. Cuối mỗi năm tài chính, công ty sẽ lập bản báo cáo tài chính để trình cho chủ sở hữu xem xét.
3. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, báo cáo tài chính hàng năm của công ty sẽ được gửi đến cơ quan thuế, cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thống kê có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Phân phối lợi nhuận, lập quỹ và nguyên tắc xử lý lỗ trong kinh doanh

1. Sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, đã thanh toán đủ (hoặc đã dành phần thanh toán đủ) các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đã đến hạn phải trả, công ty lập các loại quỹ theo quy định của pháp luật.

2. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp quyết toán năm tài chính bị lỗ, Chủ tịch công ty được quyết định theo hướng sau:

a) Trích quỹ dự trữ để bù;

b) Chuyển sang năm sau để trừ vào lợi nhuận của năm tài chính sau trước khi phân phối lợi nhuận.

CHƯƠNG V

THÀNH LẬP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ

Điều 21. Thành lập

1. Công ty được thành lập sau khi Bản điều lệ này được Chủ sở hữu công ty chấp thuận và được Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2. Mọi phí tổn liên quan đến việc thành lập công ty đều được ghi vào mục chi phí của công ty và được tính hoàn giảm vào chi phí của năm tài chính đầu tiên.

Điều 22. Giải thể và thanh lý tài sản của công ty

1. Công ty bị giải thể trong các trường hợp sau đây:

a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;

b) Theo quyết định của chủ sở hữu công ty;

c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác.

2. Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác và không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc Trọng tài. Người quản lý có liên quan và công ty quy định tại điểm c khoản 1 Điều này cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của doanh nghiệp.

Điều 23. Trình tự, thủ tục giải thể doanh nghiệp

Việc giải thể doanh nghiệp trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 22 của Điều lệ này được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thông qua quyết định giải thể doanh nghiệp. Quyết định giải thể doanh nghiệp phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp;

b) Lý do giải thể;

c) Thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp;

d) Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động;

đ) Họ, tên, chữ ký của chủ sở hữu công ty;

2. Chủ sở hữu công ty trực tiếp tổ chức thanh lý tài sản doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày thông qua, quyết định giải thể phải được gửi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế, người lao động trong doanh nghiệp. Quyết định giải thể phải được đăng trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và được niêm yết công khai tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp.

Trường hợp doanh nghiệp còn nghĩa vụ tài chính chưa thanh toán thì phải gửi kèm theo quyết định giải thể và phương án giải quyết nợ đến các chủ nợ, người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích có liên quan. Phương án giải quyết nợ phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ.

4. Các khoản nợ của doanh nghiệp được thanh toán theo thứ tự ưu tiên sau đây:

a) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

b) Nợ thuế;

c) Các khoản nợ khác.

5. Sau khi đã thanh toán chi phí giải thể doanh nghiệp và các khoản nợ, phần còn lại chia cho chủ sở hữu công ty.

6. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp gửi hồ sơ giải thể doanh nghiệp cho Cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của doanh nghiệp.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực của Điều lệ

Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được Chủ sở hữu Doanh nghiệp thông qua.

Điều 25. Điều khoản cuối cùng

1. Những vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty không được nêu trong Bản Điều lệ này sẽ được Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan khác điều chỉnh.

2. Trong trường hợp Điều lệ này có điều khoản trái pháp luật hoặc dẫn đến việc thi hành trái pháp luật, thì điều khoản đó không được thi hành và sẽ được Chủ sở hữu công ty xem xét sửa đổi.

3. Khi muốn sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ này, chủ sở hữu công ty sẽ quyết định.

Điều lệ này đã được chủ sở hữu công ty xem xét từng chương, từng điều và ký tên.

Điều lệ này gồm 06 chương, 25 điều và được lập thành 03 bản có giá trị như nhau: 01 bản đăng ký tại cơ quan đăng ký kinh doanh, 01 bản lưu trữ tại trụ sở công ty, 01 bản do chủ sở hữu công ty giữ.

Mọi sự sao chép, trích lục phải được ký xác nhận của chủ sở hữu công ty./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên)



Họ tên: NGUYỄN NGỌC THỦY

CHỦ SỞ HỮU
(Ký, ghi rõ họ tên)



Họ tên: NGUYỄN NGỌC THỦY